**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**
**SỞ GD&ĐT PHÚ YÊN**

# DANH SÁCH QUẬN HUYỆN

| STT | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện | Khu vực | Văn bản quy định | Văn bản liên quan | Trạng thái | Trạng thái duyệt | Mô tả |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 39 | Phú Yên | 01 | Thành phố Tuy Hòa (Trước 25/1/2017) | Khu vực 2 | | | Cập nhật | Đã duyệt | (Trước 25/1/2017) |
| 2 | 39 | Phú Yên | 00 | Sở Giáo dục và Đào tạo | Khu vực 2 | | | Hiệu lực | | Đóng phường 7, TP. Tuy Hòa |
| 3 | 39 | Phú Yên | 10 | Thị xã Đông Hòa (Từ 6/2020 đến trước 15/3/2022) | Khu vực 2 | NQ 931/NQ-UBTVQH14 ngày 22/4/2020 | | Hiệu lực | | NG 931/NQ-UBTVQH14; H.Dông Hòa lên Thị xã Đông Hòa từ 01/6/2020□<br>Hết hiệu lực theo QĐ 131/QĐ-Tttg.□<br>Năm 2022 không còn dùng |
| 4 | 39 | Phú Yên | 15 | Huyện Phú Hòa (Từ 04/6/2021 không còn xã ĐBKK) | Khu vực 2 NT | | | Hiệu lực | | Tạo huyện mới, không còn xã ĐBKK (Từ 04/6/2021) |
| 5 | 39 | Phú Yên | 13 | Thị xã Đông Hòa (Từ 15/3/2022 không còn xã ĐBKK) | Khu vực 2 | | | Hiệu lực | | Tạo huyện mới, không còn xã ĐBKK (Từ 13/3/2021) |
| 6 | 39 | Phú Yên | 12 | Thị xã Sông Cầu (Từ 15/3/2022 không còn xã ĐBKK) | Khu vực 2 | | | Hiệu lực | | Tạo huyện mới, không còn xã ĐBKK (Từ 15/3/2022)□ |
| 7 | 39 | Phú Yên | 11 | Thành phố Tuy Hòa (Từ 25/1/2017 không còn xã ĐBKK) | Khu vực 2 | | | Hiệu lực | | Hết hiệu lực theo Quyết định 539/QĐ-TTg□<br>Tạo huyện mới, sử dụng có xã ĐBKK sau ngày 25/1/2017.□ |
| 8 | 39 | Phú Yên | 03 | Thị xã Sông Cầu (Trước 15/3/2022) | Khu vực 2 | | | Cập nhật | Đã duyệt | QĐ 131/QĐ-TTg.□<br>Năm 2022 không còn dùng |
| 9 | 39 | Phú Yên | 08 | Huyện Phú Hòa (Trước 04/6/2021) | Khu vực 2 NT | | | Cập nhật | Đã duyệt | QĐ 582/QĐ-TTg.□<br>Năm 2022 không còn dùng |
| 10 | 39 | Phú Yên | 04 | Huyện Tuy An (Trước 15/3/2022) | Khu vực 2 NT | | | Hiệu lực | | QĐ 131/QĐ-TTg.□<br>Năm 2022 không còn dùng |
| 11 | 39 | Phú Yên | 09 | Huyện Tây Hòa | Khu vực 2 NT | | | Hiệu lực | | |
| 12 | 39 | Phú Yên | 02 | Huyện Đồng Xuân | Khu vực 2 NT | | | Cập nhật | Đã duyệt | QĐ 861 và QĐ 612 |
| 13 | 39 | Phú Yên | 05 | Huyện Sơn Hòa | Khu vực 2 NT | | | Cập nhật | Đã duyệt | QĐ 861;QĐ 612 |
| 14 | 39 | Phú Yên | 06 | Huyện Sông Hinh | Khu vực 2 NT | | | Cập nhật | Đã duyệt | QD 861 |
| 15 | 39 | Phú Yên | 14 | Huyện Tuy An (Từ 15/3/2022 không còn xã ĐBKK) | Khu vực 2 NT | | | Cập nhật | Đã duyệt | Tạo huyện mới, không còn xã ĐBKK năm 2022 |
| 16 | 39 | Phú Yên | 07 | Huyện Đông Hòa (Trước 06/2020) | Khu vực 2 NT | Nghị quyết 931/NQ-UBTVQH14 ngày 22/4/2020 | | Hiệu lực | | Nghị quyết 931/NQ-UBTVQH14 ngày 22/4/2020 nâng cấp H.Đông Hòa lên Tx Đông Hòa. Trước 01/6/2020 |